



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 63/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 02 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2012, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28/01/2013 của Công ty Cổ phần Vinafor Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 30. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

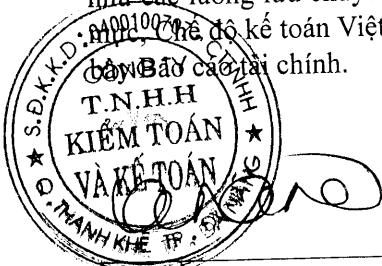
Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.455.438.972	31.423.058.949
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	7.775.036.945	3.934.064.898
1. Tiền	111		4.275.036.945	3.934.064.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.724.116.189	8.314.013.910
1. Phải thu khách hàng	131		13.877.202.374	8.166.703.217
2. Trả trước cho người bán	132		2.668.269.667	1.913.931.650
3. Các khoản phải thu khác	135	7	123.379.534	57.468.910
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(1.944.735.386)	(1.824.089.867)
IV. Hàng tồn kho	140		15.021.037.865	13.920.436.085
1. Hàng tồn kho	141	9	18.373.460.793	17.380.229.099
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.352.422.928)	(3.459.793.014)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.935.247.973	5.254.544.056
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		920.884.352	358.096.724
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	2.014.363.621	4.896.447.332
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.020.057.510	23.848.244.100
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.454.257.098	7.176.866.835
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218	11	6.454.257.098	7.176.866.835
II. Tài sản cố định	220		12.074.984.705	14.629.573.684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	9.744.766.145	12.299.355.124
- Nguyên giá	222		28.937.631.004	30.508.614.019
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.192.864.859)	(18.209.258.895)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2.330.218.560	2.330.218.560
- Nguyên giá	228		2.330.218.560	2.330.218.560
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	666.434.000	889.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	575.000.000	-
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	91.434.000	889.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		824.381.707	1.152.803.581
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	824.381.707	1.152.803.581
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60.475.496.482	55.271.303.049

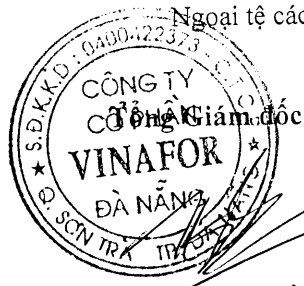
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		31.655.919.401	27.426.339.701
I. Nợ ngắn hạn	310		31.490.101.216	22.795.650.097
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	21.200.628.485	10.509.789.033
2. Phải trả người bán	312		2.947.638.484	1.986.267.395
3. Người mua trả tiền trước	313		823.557.100	4.235.908.119
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	1.387.700.805	2.222.675.870
5. Phải trả người lao động	315		4.018.722.024	3.185.421.587
6. Chi phí phải trả	316	18	610.692.145	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	310.770.016	474.934.944
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		20.196.100	64.457.092
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		170.196.057	116.196.057
II. Nợ dài hạn	330		165.818.185	4.630.689.604
1. Phải trả dài hạn khác	333		-	24.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		-	4.206.295.621
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	204.030.349
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		165.818.185	196.363.634
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.819.577.081	27.844.963.348
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	28.819.577.081	27.844.963.348
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	20.182.500.000	20.182.500.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	20	-	13.890.406
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	20	1.523.515.458	1.196.901.830
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	20	2.677.667.333	2.351.053.705
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	4.435.894.290	4.100.617.407
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60.475.496.482	55.271.303.049

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU		31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ các loại	USD	3.518,99	117.268,19



Huỳnh Đức Hồng Hà

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 01 năm 2013

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Phương Loan

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ngọc Hà